

Số: 66 /TB-TCKH

Kon Rẫy, ngày 04 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Kon Rẫy quý II (6 tháng) năm 2022

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Trên cơ sở số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện quý II (6 tháng) năm 2022. Phòng Tài chính - Kế hoạch công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện quý II (6 tháng) năm 2022.

(Chi tiết tại các Biểu mẫu kèm theo)

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Trang thông tin điện tử huyện (đăng tin);
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Xuân Trung



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II (6 THÁNG) NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 66 /TB-TCKH ngày 04/7/2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kon Rẫy)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện quý II (6 tháng) năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	248.073	174.286	70%	111%
I	Thu cân đối NSNN	62.470	37.998	61%	110%
1	Thu nội địa	62.470	37.998	61%	110%
	Tr.đó: Thu điều tiết NS huyện hưởng	44.623	30.732	69%	111%
2	Thu viện trợ				
3	Thu kết dư				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	203.450	106.092	52%	109%
III	Thu kết dư				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		37.463		117%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	248.073	118.930	48%	107%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	238.447	118.930	50%	107%
1	Chi đầu tư phát triển	6.676	7.352	110%	80%
2	Chi thường xuyên	227.002	109.197	48%	108%
3	Dự phòng ngân sách	4.769	2.381	50%	184%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	9.626			



Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II (6 THÁNG) NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 66 /TB-TCKH ngày 04/7/2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kon Rẫy)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý II (6 tháng) năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	248.073	118.930	48%	107%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	248.073	118.930	48%	107%
I	Chi đầu tư phát triển	14.931	7.352	49%	80%
1	Chi đầu tư cho các dự án	14.931	7.352	49%	80%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	228.373	109.197	48%	108%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	132.479	61.360	46%	110%
2	Chi khoa học và công nghệ	150	10	6%	172%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	187	105	56%	101%
4	Chi văn hóa thông tin	449	171	38%	62%
5	Chi phát thanh truyền hình	1.801	844	47%	87%
6	Chi thể dục thể thao	351	272	77%	306%
7	Chi bảo vệ môi trường	4.160	1.506	36%	106%
8	Chi hoạt động kinh tế	8.710	5.865	67%	100%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	66.585	30.238	45%	101%
10	Chi an ninh quốc phòng	5.482	4.442	81%	133%
11	Chi đảm bảo xã hội	6.890	3.741	54%	158%
12	Chi khác	1.129	644	57%	104%
III	Dự phòng ngân sách	4.769	2.381	50%	184%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II (6 THÁNG) NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 66/TB-TCKH ngày 04/7/2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Kon Rẫy)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý II (6 tháng) năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	62.470	37.998	61%	91%
I	Thu nội địa	62.470	37.998	61%	91%
1	Thu từ các khu vực doanh nghiệp nhà nước	900	527	59%	209%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	46.200	28.435	62%	103%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.410	2.586	183%	35%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	2.700	2.392	89%	53%
7	Thu phí, lệ phí	1.250	459	37%	93%
8	Các khoản thu về nhà, đất	800	690	86%	14%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		131		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30	13	45%	61%
-	Thu tiền sử dụng đất	100	239	239%	23%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	670	306	46%	10%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	1.610	695	43%	105%
11	Thu cấp tiền khai thác khoáng sản, tài nguyên khác	7.600	2.214	29%	33%
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	44.623	30.732	69%	90%
1	Từ các khoản thu phân chia	28.260	19.682	70%	95%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	16.364	11.049	68%	80%